TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 51/2018/QĐST- DS	*Phú Riềng, ngày 20 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

- Trụ sở:Tòa nhà C, số 109 T, P. C, Q. H, TP.Hà Nội;
- Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S – CV: Tổng giám đốc;
- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trương Minh V1 – CV: Giám đốc chi nhánh Bình Phước.
- Người đại diện theo uỷ quyền lại: ông Lê Nguyễn Hoàng V2 – CV: Chuyên viên Phòng khách hàng. Nơi làm việc: Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bình Phước. Theo Giấy ủy quyền số 11 ngày 10/7/2018.

* Bị đơn: Trương Văn Toán, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn 4, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về số nợ:

Ông Trương Văn Toán còn nợ của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng số 1344-16/HĐTD-LienVietPostBank-Bình Phước ngày 14/10/2016 tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 84.368.411đ (Tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm mười một đồng).

b) Thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ như sau:

* Trả số nợ quá hạn và trong hạn theo hợp đồng:

- Ngày 25/8/2018 trả số tiền 6.596.250 đồng;
- Ngày 25/9/2018 trả số tiền 6.556.250 đồng;
- Ngày 25/10/2018 trả số tiền 6.581.250 đồng;
- Ngày 26/11/2018 trả số tiền 6.499.250 đồng;

* Trả số nợ theo hợp đồng:

- Ngày 25/12/2018 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 609.109đồng;
- Ngày 25/01/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 632.521đồng;
- Ngày 25/02/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 613.926đồng;
- Ngày 25/03/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 537.718đồng;
- Ngày 25/4/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 576.735đồng;
- Ngày 25/5/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 540.135đồng;
- Ngày 25/6/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 539.544đồng;
- Ngày 25/7/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 504.144đồng;
- Ngày 26/8/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 518.558đồng;
- Ngày 25/9/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 468.153 đồng;
- Ngày 25/10/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 450.158 đồng;
- Ngày 25/11/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 446.567 đồng;
- Ngày 25/12/2019 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 414.167đồng;
- Ngày 30/01/2020 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 475.405 đồng;
- Ngày 25/02/2020 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 327.752 đồng;
- Ngày 25/03/2020 trả số tiền gốc 1.333.000đồng và lãi suất 348.174đồng;
- Ngày 25/4/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 353.591đồng;
- Ngày 25/5/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 324.189đồng;
- Ngày 25/6/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 316.400 đồng;
- Ngày 25/7/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 288.198 đồng;
- Ngày 25/8/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 279.209 đồng;
- Ngày 25/9/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 260,614 đồng;
- Ngày 26/10/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 242.019 đồng;
- Ngày 25/11/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 216.216 đồng;
- Ngày 25/12/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 198.221 đồng;
- Ngày 25/01/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 186.233 đồng;
- Ngày 25/02/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 167.637 đồng;
- Ngày 25/03/2020 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 134.618 đồng;
- Ngày 26/4/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 134.654 đồng;
- Ngày 25/5/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 104.635 đồng;
- Ngày 25/6/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 93.256 đồng;

- Ngày 26/7/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 74.660 đồng;
- Ngày 25/8/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 54.257 đồng;
- Ngày 25/9/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 37.470 đồng;
- Ngày 14/10/2021 trả số tiền gốc 1.333.000 đồng và lãi suất 11.568 đồng;

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật,người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

c) Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

- Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Trương Văn Toán phải chịu theo quy định pháp luật là 2.109.000đ (Hai triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Phước không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Phước số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.928.000đ (bằng chữ: Một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026567 ngày 27/7/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán